

1601	10.0985.0519	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann [bột liền]	Lần	257,000
1602	02.0397.0213	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	Lần	104,400
1603	02.0396.0213	Tiêm điểm bám gân móm trâm quay (móm trâm trụ)	Lần	104,400
1604	02.0395.0213	Tiêm khớp cùng chậu	Lần	104,400
1605	10.0987.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột liền]	Lần	372,700
1606	02.0393.0213	Tiêm khớp thái dương hàm	Lần	104,400
1607	10.0989.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	Lần	659,600
1608	02.0391.0213	Tiêm khớp ức - sườn	Lần	104,400
1609	02.0390.0213	Tiêm khớp ức đòn	Lần	104,400
1610	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Lần	104,400
1611	02.0387.0213	Tiêm khớp đốt ngón tay	Lần	104,400
1612	10.0992.0529	Bột Corset Minerve, Cravate [bột liền]	Lần	659,600
1613	10.0994.0529	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	Lần	659,600
1614	02.0386.0213	Tiêm khớp bàn ngón tay	Lần	104,400
1615	10.0995.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	Lần	342,000
1616	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Lần	104,400
1617	02.0384.0213	Tiêm khớp bàn ngón chân	Lần	104,400
1618	02.0364.0087	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	171,900
1619	10.0997.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền]	Lần	372,700
1620	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Lần	126,700
1621	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Lần	129,600
1622	02.0360.0113	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1623	02.0359.0112	Hút dịch khớp vai	Lần	129,600
1624	10.1001.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	Lần	434,600
1625	10.1002.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	Lần	372,700
1626	02.0358.0113	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1627	10.1003.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV [bột liền]	Lần	372,700
1628	02.0357.0112	Hút dịch khớp cổ tay	Lần	129,600
1629	02.0356.0113	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1630	10.1004.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	372,700
1631	10.1006.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	Lần	372,700
1632	02.0355.0112	Hút dịch khớp cổ chân	Lần	129,600
1633	02.0354.0113	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1634	10.1007.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	Lần	372,700
1635	02.0353.0112	Hút dịch khớp khuỷu	Lần	129,600

1636	10.1009.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	Lần	257,000
1637	02.0352.0113	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1638	02.0351.0112	Hút dịch khớp háng	Lần	129,600
1639	02.0350.0113	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	144,900
1640	10.1011.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng [bột liền]	Lần	282,000
1641	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Lần	129,600
1642	02.0229.0152	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	Lần	953,800
1643	02.0227.0164	Rút sonde dẫn lưu bề thận qua da	Lần	194,700
1644	13.0045.0622	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	Lần	2,520,200
1645	12.0164.0898	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	Lần	27,500
1646	11.0171.0237	Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại	Lần	40,900
1647	11.0119.1133	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính	Lần	583,000
1648	10.1116.0509	Nắn có gậy mê, bó bột bàn chân ngựa vạc vào, bàn chân bẹt/tật gổ cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)	Lần	780,000
1649	10.1021.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Lần	372,700
1650	08.0007.0227	Cấy chi	Lần	156,400
1651	10.1022.0519	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	Lần	257,000
1652	07.0230.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	Lần	279,500
1653	05.0090.0334	Phẫu thuật sùi mào gà đường kính 5 cm trở lên	Lần	889,700
1654	03.3817.0505	Trích áp xe phần mềm lớn	Lần	218,500
1655	10.1028.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	Lần	257,000
1656	03.3405.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần	312,500
1657	10.1029.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Lần	434,600
1658	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	78,300
1659	10.1030.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	Lần	434,600
1660	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	78,300
1661	01.0244.0165	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Lần	659,900
1662	01.0240.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần	153,700
1663	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]	Lần	130,600
1664	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Lần	92,400
1665	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5% diện tích cơ thể]	Lần	130,600

1666	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Lần	101,800
1667	11.0015.1158	Rạch hoại tử bong giải thoát chèn ép	Lần	648,200
1668	02.0222.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần	953,800
1669	11.0016.1160	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bong sâu	Lần	213,400
1670	02.0221.0150	Nội soi bàng quang	Lần	575,300
1671	11.0058.1133	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bong	Lần	583,000
1672	02.0220.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	1,345,000
1673	11.0087.0120	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bong	Lần	759,800
1674	02.0218.0152	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	Lần	953,800
1675	11.0088.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bong	Lần	685,500
1676	02.0075.0081	Chọc dò màng ngoài tim	Lần	280,500
1677	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bong	Lần	25,100
1678	02.0432.0078	Chọc hút mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	195,900
1679	11.0090.0216	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bong	Lần	194,700
1680	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Lần	32,900
1681	11.0097.2035	Tắm điều trị người bệnh bong	Lần	270,100
1682	02.0067.0206	Thay canuyn mở khí quản	Lần	263,700
1683	11.0099.0237	Điều trị tổn thương bong bằng máy sưởi ẩm bức xạ	Lần	40,900
1684	11.0100.0111	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bong	Lần	192,300
1685	02.0061.0164	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	Lần	194,700
1686	11.0101.1159	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bong	Lần	385,400
1687	02.0058.0122	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản	Lần	112,300
1688	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần	27,500
1689	11.0117.0111	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	Lần	192,300
1690	02.0003.0073	Bơm streptokinase vào khoang màng phổi	Lần	1,048,500
1691	11.0118.1159	Hút áp lực âm (VAC) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	Lần	385,400
1692	11.0120.0244	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne	Lần	36,600
1693	02.0002.0071	Bơm rửa khoang màng phổi	Lần	248,500
1694	01.0364.1169	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	Lần	172,800
1695	12.0165.0989	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	Lần	34,500
1696	01.0362.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc	Lần	532,500
1697	12.0232.0087	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm	Lần	171,900

1698	01.0357.0078	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	Lần	195,900
1699	13.0019.0618	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	Lần	682,500
1700	01.0356.0078	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	Lần	195,900
1701	13.0023.2023	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	Lần	55,000
1702	01.0336.0158	Rửa bàng quang ở người bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	Lần	230,500
1703	13.0030.0623	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Lần	1,663,600
1704	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	Lần	239,500
1705	13.0031.0727	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	Lần	700,200
1706	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Lần	94,600
1707	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Lần	313,500
1708	13.0051.0237	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại [hồng ngoại]	Lần	40,900
1709	13.0051.0254	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại [sóng ngắn]	Lần	41,100
1710	13.0052.0626	Khâu vòng cổ tử cung	Lần	582,500
1711	13.0053.0594	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Lần	139,000
1712	13.0084.0607	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	Lần	2,287,400
1713	13.0137.0077	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	Lần	153,700
1714	13.0142.0717	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	Lần	1,249,700
1715	13.0145.0611	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	Lần	191,500
1716	13.0146.0612	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	Lần	389,400
1717	13.0154.0712	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Lần	414,500
1718	13.0155.0334	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Lần	889,700
1719	13.0156.0639	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Lần	627,100
1720	13.0159.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Lần	929,400
1721	13.0162.0604	Chọc dẫn lưu dịch ổ chướng trong ung thư buồng trứng	Lần	1,069,900
1722	13.0185.0099	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	Lần	685,500
1723	13.0187.0209	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) [theo giờ thực tế]	Lần	625,000
1724	13.0188.0083	Chọc dò tủy sống sơ sinh	Lần	126,900
1725	13.0191.0079	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	Lần	162,900
1726	13.0192.0103	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	Lần	101,800
1727	13.0193.0159	Rửa dạ dày sơ sinh	Lần	152,000

1728	13.0199.0211	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Lần	92,400
1729	13.0200.0071	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	Lần	248,500
1730	13.0229.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	Lần	352,300
1731	13.0231.0643	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	Lần	352,300
1732	13.0233.0642	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	Lần	1,265,200
1733	13.0235.0727	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Lần	700,200
1734	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	Lần	199,700
1735	14.0025.0735	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên	Lần	342,400
1736	14.0026.0735	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)	Lần	342,400
1737	14.0092.0865	Tiêm cortison điều trị u máu	Lần	197,200
1738	14.0094.0786	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	Lần	66,800
1739	14.0111.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	Lần	40,300
1740	14.0112.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	Lần	40,300
1741	14.0116.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	Lần	40,300
1742	14.0158.0851	Tiêm nội nhãn	Lần	245,100
1743	14.0159.0857	Tiêm nhu mô giác mạc	Lần	55,000
1744	14.0160.0786	Áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc	Lần	66,800
1745	13.0152.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	1,369,400
1746	14.0161.0748	Tập nhược thị	Lần	43,600
1747	14.0166.0780	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	Lần	359,500
1748	14.0192.0075	Cắt chỉ khâu giác mạc	Lần	40,300
1749	14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo [một mắt]	Lần	65,100
1750	14.0198.0784	Lấy máu làm huyết thanh	Lần	69,000
1751	14.0199.0745	Điện di điều trị	Lần	27,500
1752	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu	Lần	53,600
1753	14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc	Lần	99,400
1754	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Lần	218,500
1755	14.0216.0505	Rạch áp xe túi lệ	Lần	218,500
1756	14.0219.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Lần	60,000
1757	14.0220.0849	Soi đáy mắt bằng Schepens	Lần	60,000
1758	14.0221.0849	Soi góc tiền phòng	Lần	60,000
1759	14.0224.0751	Đo thị giác tương phản	Lần	77,000
1760	14.0252.0801	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	Lần	130,900
1761	14.0256.0843	Đo sắc giác	Lần	80,600
1762	14.0257.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Lần	33,600
1763	14.0259.0753	Đo khúc xạ giác mạc	Lần	41,900
1764	14.0263.0751	Xác định sơ đồ song thị	Lần	77,000
1765	14.0264.0751	Đo biên độ điều tiết	Lần	77,000
1766	14.0265.0751	Đo thị giác 2 mắt	Lần	77,000
1767	14.0266.0865	Đo độ sâu tiền phòng	Lần	197,200
1768	14.0267.0750	Đo độ dày giác mạc	Lần	145,500
1769	14.0268.0752	Đo đường kính giác mạc	Lần	68,000

1770	14.0275.0758	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	Lần	69,400
1771	14.0276.0752	Đo độ lồi	Lần	68,000
1772	14.0277.0865	Test thử nhược cơ	Lần	197,200
1773	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	Lần	194,700
1774	15.0052.0993	Bơm hơi vôi nhĩ	Lần	126,500
1775	15.0055.0902	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây mê]	Lần	530,700
1776	15.0055.0903	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Lần	170,600
1777	15.0130.0923	Đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	Lần	705,500
1778	15.0135.0168	Sinh thiết hốc mũi	Lần	138,500
1779	15.0137.0931	Nội soi sinh thiết u vòm [gây mê]	Lần	1,601,900
1780	15.0137.0932	Nội soi sinh thiết u vòm [gây tê]	Lần	545,500
1781	15.0143.0906	Lấy dị vật mũi [gây mê]	Lần	705,500
1782	15.0143.0907	Lấy dị vật mũi [không gây mê]	Lần	213,900
1783	15.0144.0907	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây mê]	Lần	213,900
1784	15.0145.1006	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	Lần	153,600
1785	15.0147.1006	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	Lần	153,600
1786	15.0206.0879	Trích áp xe sàn miệng	Lần	295,500
1787	15.0206.0996	Trích áp xe sàn miệng	Lần	771,900
1788	15.0208.0916	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	Lần	139,000
1789	15.0209.0996	Cắt phanh lưỡi [gây mê]	Lần	771,900
1790	15.0211.0168	Sinh thiết u họng miệng	Lần	138,500
1791	15.0220.0206	Thay canuyn	Lần	263,700
1792	15.0223.0996	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần	771,900
1793	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	Lần	194,700
1794	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	Lần	269,500
1795	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	Lần	289,500
1796	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	Lần	354,200
1797	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Lần	40,300
1798	15.0303.0200	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	Lần	64,300
1799	15.0303.0202	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Lần	121,400
1800	15.0303.0204	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Lần	193,600
1801	15.0303.0205	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Lần	275,600
1802	16.0043.1020	Lấy cao răng [hai hàm]	Lần	159,100
1803	16.0056.1032	Chụp tủy bằng MTA	Lần	308,000
1804	16.0057.1032	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Lần	308,000
1805	16.0067.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	Lần	280,500

1806	16.0205.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Lần	217,200
1807	16.0225.1035	Trám bít hố răng bằng nhựa Sealant	Lần	245,500
1808	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Lần	46,600
1809	17.0022.0272	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	Lần	68,900
1810	17.0104.0263	Tập nuốt [sử dụng máy]	Lần	173,700
1811	18.0621.0090	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	170,900
1812	18.0630.0087	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	171,900
1813	20.0048.0502	Mở thông dạ dày qua nội soi	Lần	2,745,200
1814	20.0063.0142	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Lần	905,700
1815	20.0083.0104	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	Lần	950,500
1816	20.0084.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	1,345,000
1817	20.0085.0115	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	Lần	1,010,000
1818	20.0087.0152	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần	953,800
1819	21.0070.0747	Điện võng mạc	Lần	112,800
1820	22.0126.0092	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	Lần	147,900
1821	22.0127.0091	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	Lần	549,900
1822	22.0499.0163	Rút máu để điều trị	Lần	289,400
1823		Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	Lần	1,051,400
1824		Đặt và tháo dụng cụ tử cung	Lần	252,500
1825		Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	Lần	70,200
1826		Lọc rửa tinh trùng	Lần	971,000
1827		Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	Lần	1,311,400
1828	03.2734.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	1,369,400
1829	03.1591.0739	Trích mù mắt	Lần	510,700
1830	03.1656.0732	Cắt bỏ túi lệ	Lần	930,200
1831	03.1657.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Lần	960,200
1832	03.1666.0839	Khâu phủ kết mạc	Lần	698,800
1833	03.1677.0788	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [1 mi - gây mê]	Lần	1,351,400
1834	03.1677.0789	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [1 mi - gây tê]	Lần	698,800
1835	03.1677.0790	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [2 mi - gây mê]	Lần	1,572,200
1836	03.1677.0791	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [2 mi - gây tê]	Lần	935,200
1837	03.1677.0792	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [3 mi - gây tê]	Lần	1,188,600
1838	03.1677.0793	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [3 mi - gây mê]	Lần	1,833,000
1839	03.1677.0794	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [4 mi - gây mê]	Lần	2,068,800
1840	03.1677.0795	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [4 mi - gây tê]	Lần	1,387,000

1841	03.1688.0769	Khâu kết mạc [gây tê]	Lần	897,100
1842	03.1718.1037	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng màng sinh học, có ghép xương	Lần	1,172,800
1843	03.1721.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	Lần	1,172,800
1844	03.1722.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Lần	1,172,800
1845	03.1726.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	631,000
1846	03.1728.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	Lần	631,000
1847	03.1816.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi	Lần	344,200
1848	03.1858.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	631,000
1849	03.1858.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	861,000
1850	03.1858.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	Lần	455,500
1851	03.1858.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
1852	03.1859.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 4, 5]	Lần	631,000
1853	03.1859.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới]	Lần	861,000
1854	03.1859.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3]	Lần	455,500
1855	03.1859.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên]	Lần	991,000
1856	03.1985.1069	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 3 bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
1857	03.2014.1058	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	Lần	4,658,900
1858	03.2018.1068	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	Lần	2,897,900
1859	03.2019.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng chì thép	Lần	2,897,900
1860	03.2020.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,897,900
1861	03.2021.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,897,900

1862	03.2028.1066	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	3,197,900
1863	03.2029.1066	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,197,900
1864	03.2030.1066	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,197,900
1865	03.2031.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	Lần	3,197,900
1866	03.2032.1069	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 1 bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
1867	03.2033.1069	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 1 bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
1868	03.2034.1069	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 1 bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
1869	03.2043.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Lần	2,497,500
1870	03.2058.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
1871	03.2059.1068	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	Lần	2,897,900
1872	03.2061.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Lần	4,733,900
1873	03.2064.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,856,600
1874	03.2103.0911	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	Lần	4,058,900
1875	03.2104.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Lần	4,058,900
1876	03.2179.0937	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây tê]	Lần	1,761,400
1877	03.2444.1045	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm	Lần	1,208,800
1878	03.2449.0834	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	Lần	1,322,100
1879	03.2455.1045	Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên	Lần	1,208,800
1880	03.2457.1044	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	Lần	771,000
1881	03.2535.1049	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Lần	2,928,100
1882	03.3068.0370	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	Lần	5,669,600
1883	03.3083.0576	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Lần	2,767,900
1884	03.3311.0458	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột [cắt ruột]	Lần	5,100,100
1885	03.3317.0583	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	Lần	2,396,200
1886	03.3327.0459	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Lần	2,815,900
1887	03.3328.0686	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Lần	4,721,300
1888	03.3330.0493	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Lần	3,142,500
1889	03.3331.0458	Cắt đoạn ruột non	Lần	5,100,100
1890	03.3332.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Lần	3,142,500
1891	03.3346.0663	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Lần	4,142,300
1892	03.3348.0494	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Lần	2,816,900
1893	03.3349.0494	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	Lần	2,816,900

1894	03.3350.0494	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Lần	2,816,900
1895	03.3365.0494	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Lần	2,816,900
1896	03.3366.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Lần	2,816,900
1897	03.3367.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Lần	2,816,900
1898	03.3368.0494	Phẫu thuật trĩ độ 1	Lần	2,816,900
1899	03.3369.0494	Cắt bỏ trĩ vòng	Lần	2,816,900
1900	03.3371.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	Lần	2,816,900
1901	03.3377.0494	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Lần	2,816,900
1902	03.3378.0494	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Lần	2,816,900
1903	03.3379.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Lần	2,816,900
1904	03.3380.0498	Cắt polyp trực tràng	Lần	1,108,300
1905	03.3384.0492	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bít	Lần	3,512,900
1906	03.3394.0464	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	Lần	2,917,900
1907	03.3396.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Lần	3,512,900
1908	03.3397.0492	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Lần	3,512,900
1909	03.3399.0600	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	Lần	873,000
1910	03.3406.0600	Trích áp xe tăng sinh môn	Lần	873,000
1911	03.3427.0472	Cắt túi mật	Lần	4,993,100
1912	03.3501.0422	Nội niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng	Lần	6,374,200
1913	03.3595.0662	Tách màng ngăn âm hộ	Lần	2,932,800
1914	03.3661.0548	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	Lần	4,324,900
1915	03.3662.0556	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	Lần	4,102,500
1916	03.3663.0556	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	Lần	4,102,500
1917	03.3669.0548	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Lần	4,324,900
1918	03.3673.0556	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
1919	03.3679.0556	Phẫu thuật gãy Monteggia	Lần	4,102,500
1920	03.3691.0577	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp	Lần	5,204,600
1921	03.3703.0556	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	Lần	4,102,500
1922	03.3711.0571	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Lần	3,226,900
1923	03.3726.0534	Phẫu thuật cắt cụt đùi	Lần	3,994,900
1924	03.3728.0548	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	Lần	4,324,900
1925	03.3738.0556	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	Lần	4,102,500
1926	03.3741.0571	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	3,226,900
1927	03.3742.0550	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Lần	3,923,600
1928	03.3766.0556	Phẫu thuật khớp giả xương chày	Lần	4,102,500
1929	03.3774.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Lần	5,204,600
1930	03.3775.0534	Cắt cụt cẳng chân	Lần	3,994,900
1931	03.3776.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	3,226,900

1932	03.3777.0571	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	Lần	3,226,900
1933	03.3778.0556	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	Lần	4,102,500
1934	03.3779.0556	Kết hợp xương trong gãy xương mác	Lần	4,102,500
1935	03.3793.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Lần	5,204,600
1936	03.3794.0556	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	Lần	4,102,500
1937	03.3798.0571	Tháo đốt bàn	Lần	3,226,900
1938	03.3800.0577	Phẫu thuật bong lột da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	Lần	5,204,600
1939	03.3804.0559	Gỡ dính gân	Lần	3,302,900
1940	03.3813.0551	Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp	Lần	3,011,900
1941	03.3815.0493	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	Lần	3,142,500
1942	03.3820.0573	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	Lần	3,720,600
1943	03.4026.0502	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	Lần	2,745,200
1944	03.4138.0148	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	Lần	975,300
1945	07.0006.0357	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	Lần	4,561,600
1946	07.0010.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	Lần	4,561,600
1947	07.0013.0360	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	Lần	3,620,900
1948	07.0014.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,561,600
1949	07.0015.0357	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	4,561,600
1950	07.0016.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong basedow	Lần	4,561,600
1951	07.0018.0360	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	3,620,900
1952	07.0020.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
1953	07.0024.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thong trong bướu giáp thong	Lần	4,561,600
1954	07.0025.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thong và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thong	Lần	4,561,600
1955	07.0026.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thong	Lần	6,026,400
1956	07.0027.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	Lần	4,561,600
1957	07.0028.0357	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lồ	Lần	4,561,600
1958	10.0009.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	Lần	5,669,600
1959	10.0151.1045	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính từ 5 cm trở lên]	Lần	1,208,800
1960	10.0160.0411	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	Lần	7,392,200

1961	10.0261.0582	Phẫu thuật cắt đường thông động - tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	Lần	3,433,300
1962	10.0289.0400	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,595,500
1963	10.0303.0416	Cắt thận đơn thuần	Lần	4,703,100
1964	10.0308.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lần	4,569,100
1965	10.0346.0429	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Lần	4,886,100
1966	10.0348.0582	Cắm niệu quản bàng quang	Lần	3,433,300
1967	10.0349.0424	Cắt cổ bàng quang	Lần	5,887,300
1968	10.0351.0583	Phẫu thuật đặt vòng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	Lần	2,396,200
1969	10.0352.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Lần	6,140,200
1970	10.0374.0435	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	Lần	2,490,900
1971	10.0394.0435	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
1972	10.0425.0442	Cắt túi thừa thực quản cổ	Lần	8,225,300
1973	10.0426.0442	Cắt túi thừa thực quản ngực	Lần	8,225,300
1974	10.0457.0449	Cắt toàn bộ dạ dày	Lần	8,208,300
1975	10.0492.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	Lần	3,142,500
1976	10.0524.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,683,900
1977	10.0538.0489	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	Lần	5,141,100
1978	10.0539.0494	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	Lần	2,816,900
1979	10.0616.0493	Dẫn lưu áp xe gan	Lần	3,142,500
1980	10.0620.0583	Mở thông túi mật	Lần	2,396,200
1981	10.0622.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	Lần	4,970,100
1982	10.0625.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	Lần	4,970,100
1983	10.0626.0479	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	Lần	4,733,300
1984	10.0629.0581	Mở nhu mô gan lấy sỏi	Lần	5,712,200
1985	10.0630.0475	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	Lần	7,651,700
1986	10.0632.0481	Nối mật ruột bên - bên	Lần	4,870,100
1987	10.0633.0481	Nối mật ruột tận - bên	Lần	4,870,100
1988	10.0634.0481	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	Lần	4,870,100
1989	10.0635.0481	Cắt đường mật ngoài gan	Lần	4,870,100
1990	10.0636.0481	Cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	Lần	4,870,100
1991	10.0638.0464	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Lần	2,917,900
1992	10.0639.0469	Các phẫu thuật đường mật khác	Lần	5,170,100
1993	10.0641.0464	Dẫn lưu nang tụy	Lần	2,917,900
1994	10.0642.0464	Nối nang tụy với tá tràng	Lần	2,917,900
1995	10.0643.0464	Nối nang tụy với dạ dày	Lần	2,917,900
1996	10.0644.0464	Nối nang tụy với hồng tràng	Lần	2,917,900
1997	10.0645.0486	Cắt bỏ nang tụy	Lần	4,955,100